

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG TỐI ƯU HOÁ TIỀN GỬI ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu phải hiểu khác đi, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 **“Tài khoản giao dịch chứng khoán”** có thể được gọi tắt là **“Tài khoản”** là tài khoản giao dịch và lưu ký chứng khoán của Khách hàng mở tại ABS.
- 1.2 **“Số dư tiền tối ưu hoá”** là số tiền có trên Tài khoản được Khách hàng đồng ý giao cho ABS quản lý, sử dụng trong thời gian Khách hàng tạm thời chưa có nhu cầu sử dụng nhằm tối ưu hoá lợi ích Khách hàng được hưởng. Mức tối thiểu và tối đa của Số dư tiền tối ưu hoá do ABS công bố áp dụng tại từng thời điểm.
- 1.3 **“Mức lãi suất”** là tỷ lệ phần trăm tính theo năm được ABS công bố áp dụng tại từng thời kỳ làm căn cứ để trả lãi cho Khách hàng.
- 1.4 **“Công thức tính lãi”** là cách thức tính lãi nhận được do ABS công bố và làm căn cứ để trả lãi cho Khách hàng. Công thức tính lãi được ABS quy định tại từng thời điểm.
- 1.5 **“Hệ thống điện tử”** là hệ thống giao dịch/liên lạc điện tử do ABS thiết lập hoặc sử dụng nhằm ký kết giao dịch điện tử và/hoặc gửi thông tin liên lạc giữa ABS với Khách hàng (có thể gồm trang thông tin điện tử, ứng dụng trên điện thoại di động và hệ thống giao dịch/liên lạc điện tử khác).
- 1.6 **“Ngày làm việc”** là ngày ABS mở cửa giao dịch và trong giờ giao dịch do ABS quy định. Trường hợp các yêu cầu giao dịch của Khách hàng được chuyển đến ABS ngoài Ngày làm việc hoặc thời điểm chấm dứt/kết thúc thời hạn rơi vào ngày lễ, ngày nghỉ thì yêu cầu/giao dịch đó được thực hiện vào Ngày làm việc tiếp theo liền kề.

Điều 2. Cách thức thực hiện tối ưu hoá

- 2.1 Khách hàng là nhà đầu tư chứng khoán đã mở Tài khoản giao dịch chứng khoán tại ABS, có khoản tiền trên Tài khoản chưa sử dụng đầu tư chứng khoán và mong muốn tối ưu hóa lợi ích trong thời gian chưa sử dụng. ABS đồng ý hợp tác và hỗ trợ Khách hàng thực hiện mong muốn nêu trên của Khách hàng, phù hợp với nhu cầu vốn của ABS.
- 2.2 Khách hàng đề nghị và ABS đồng ý thực hiện việc tối ưu hoá số tiền này thông qua việc Khách hàng cho phép ABS chuyển Số dư tiền tối ưu hoá đến Tài khoản của ABS để quản lý, sử dụng theo nhu cầu hoạt động, kinh doanh của ABS. ABS có trách nhiệm hoàn trả Số dư tiền tối ưu hoá, lãi phát sinh cho Khách hàng vào Tài khoản của Khách hàng tại ABS.
- 2.3 Để làm rõ, Các Bên đồng ý và hiểu rằng Hợp đồng này được giao kết và thực hiện dựa trên nhu cầu, mong muốn tối ưu hóa lợi ích của Khách hàng; ABS không thực hiện huy động tiền gửi, chỉ cung cấp giải pháp để Khách hàng lựa chọn nhằm tối ưu hoá lợi ích đối với khoản tiền của Khách hàng đang có trên Tài khoản và tạm thời chưa có nhu cầu sử dụng.

Điều 3. Lãi và thanh toán lãi

- 3.1 ABS trả lãi cho Khách hàng căn cứ trên cơ sở Công thức tính lãi quy định tại Phụ lục đính kèm.
- 3.2 Trường hợp ABS đơn phương tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng/chấm dứt dịch vụ thì thông báo trước cho Khách hàng và hoàn trả vào Tài khoản của Khách hàng trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng/dịch vụ.
- 3.3 Số dư tiền tối ưu hoá được ABS hoàn trả cho Khách hàng như sau:

- a) Hoàn trả vào Tài khoản của Khách hàng trong ngày một phần/toàn bộ Số dư tiền tối ưu hoá theo yêu cầu của Khách hàng.
- b) Trả lãi hàng tháng: Tiền lãi phát sinh được ABS cộng dồn và thanh toán cho Khách hàng vào ngày 26 hàng tháng vào Tài khoản của Khách hàng. Trường hợp ngày trả lãi rơi vào ngày lễ, ngày nghỉ thì lãi nhận được của Khách hàng sẽ được trả vào ngày làm việc tiếp theo gần nhất.
- c) Trường hợp Khách hàng có yêu cầu rút một phần/toàn bộ Số dư tiền tối ưu hoá, ABS sẽ hoàn trả vào Tài khoản của Khách hàng một phần/toàn bộ Số dư tiền tối ưu hoá theo yêu cầu của Khách hàng và tiền lãi tương ứng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

- 4.1 Được quyền đề nghị ABS thực hiện tối ưu hoá khoản tiền trên Tài khoản của Khách hàng theo đúng nội dung của Hợp đồng; được nhận gốc Số dư tiền tối ưu hoá và lãi theo Mức lãi suất do ABS công bố áp dụng tại từng thời kỳ.
- 4.2 Chấp thuận cho ABS quản lý và sử dụng Số dư tiền tối ưu hoá mà không cần thêm bất kỳ sự cho phép hay chấp thuận bổ sung nào khác.
- 4.3 Chấp thuận và cho phép ABS được tự động sử dụng Số dư tiền tối ưu hoá làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh từ hoặc có liên quan đến Tài khoản của Khách hàng tại ABS.
- 4.4 Khách hàng là cá nhân chịu thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập lãi phát sinh và ABS thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành trước khi trả lãi cho Khách hàng. Khách hàng là tổ chức tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- 4.5 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng, các Phụ lục kèm theo và quy định chung của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của ABS

- 5.1 Được yêu cầu Khách hàng thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo.
- 5.2 Được sử dụng Số dư tiền tối ưu hoá theo nhu cầu hoạt động, kinh doanh của ABS; hoàn trả gốc Số dư tiền tối ưu hoá và trả lãi phát sinh theo Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo.
- 5.3 Thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành trước khi trả lãi cho Khách hàng.
- 5.4 ABS có quyền tự động khấu trừ từ Số dư tiền tối ưu hoá để thực hiện nghĩa vụ đến hạn của Khách hàng phát sinh từ hoặc có liên quan đến trên Tài khoản của Khách hàng tại ABS.
- 5.5 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng, các Phụ lục kèm theo và quy định chung của pháp luật.

Điều 6. Phương thức tham gia

Khách hàng đăng ký, sử dụng dịch vụ, gửi, rút Số dư tiền tối ưu hoá thông qua hình thức giao dịch

trực tuyến, sử dụng phần mềm giao dịch do ABS cung cấp.

Điều 7. Hiệu lực của Hợp đồng

7.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn 12 tháng, được tự động gia hạn nếu không bị chấm dứt trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 7.2 Điều này.

7.2 Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo thoả thuận của các Bên;
- b) Tự động chấm dứt, tất toán khi Khách hàng đóng Tài khoản giao dịch chứng khoán tại ABS hoặc theo yêu cầu huỷ dịch vụ của Khách hàng.
- c) ABS dừng, tạm dừng cung cấp dịch vụ và tự động thanh lý Hợp đồng;
- d) Do các sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sét đánh, hỏa hoạn, lũ lụt, bãi công, đình công, chiến tranh, những sự cố về điện, sự cố về viễn thông, đường truyền thông và sự cố khác... hoặc do nguyên nhân gây ra bởi pháp luật, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

8.1 Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời của Hợp đồng được lập, ký kết, giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

8.2 Tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng. Bên/Các Bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Toà án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Điều khoản chung

9.1 Bảo mật: Các Bên cam kết không tiết lộ thông tin Hợp đồng mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên kia, trừ trường hợp việc tiết lộ này được thực hiện theo yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

9.2 Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng: Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản do các bên cùng ký và sẽ là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

9.3 Tính toàn vẹn của Hợp đồng: Toàn văn Hợp đồng này bao gồm văn bản Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo, các tài liệu thể hiện sự thoả thuận của các Bên liên quan trực tiếp đến Hợp đồng, Phụ lục kèm theo (nếu có). Nếu có điều khoản nào của Hợp đồng bị vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thực thi do tình huống bất khả kháng thì việc đó vẫn không ảnh hưởng đến hiệu lực của phần còn lại của Hợp đồng.

9.4 Cam kết: Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký kết. Việc ký kết được thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua giao dịch điện tử./.

PHỤ LỤC

(Kèm theo và là bộ phận không tách rời của
Điều khoản, điều kiện Hợp đồng Tối ưu hoá tiền gửi đầu tư chứng khoán)

1. Giải thích từ ngữ:

- 1.1 “Số dư còn lại ngày” là số dư còn lại thực tế đang có trong Hợp đồng tại thời điểm ABS tính lãi ngày.
- 1.2 “Số dư còn lại tuần” là số dư còn lại thực tế đang có trong Hợp đồng tại thời điểm ABS tính lãi thường tròn tuần.
- 1.3 “Số dư còn lại tháng” là số dư còn lại thực tế đang có trong Hợp đồng tại thời điểm ABS tính lãi thường tròn tháng.

2. Mức tối thiểu và tối đa Số dư tối ưu hoá

Mức tối thiểu là 10.000 VND (Mười nghìn đồng).

Mức tối đa là 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng).

3. Cách tính lãi

a) Công thức tính:

Tiền lãi Khách hàng được hưởng được tính theo từng món tiền/khoản tiền tối ưu hoá theo Công thức tính lãi sau đây:

$$I = \sum_{i=1}^n I_i = \sum_{i=1}^n (I_d^i + I_w^i + I_m^i)$$

Trong đó,

I: Số tiền lãi sẽ nhận được tại thời điểm tính lãi

I_i : Tổng lãi của Hợp đồng thứ i

n: Số Hợp đồng còn hiệu lực của Khách hàng (gồm các Hợp đồng chưa bị tắt toán hoặc bị tắt toán 1 phần)

I_d^i : Tổng lãi ngày của Hợp đồng thứ i

I_w^i : Tổng lãi thường tròn tuần của Hợp đồng thứ i

I_m^i : Tổng lãi thường tròn tháng của Hợp đồng thứ i

Với,

$$(I) I_d^i = \sum_{d=1}^{t_d} M_d * R_d * \frac{1}{365}$$

Trong đó,

t_d : Số ngày được tính lãi của Hợp đồng

M_d : Số dư còn lại ngày thứ d của Hợp đồng

R_d : Tỷ lệ lãi suất tại ngày thứ d

$$(2) I_w^i = \sum_{w=1}^{t_w} M_w * R_w * \frac{1}{365}$$

Trong đó,

t_w : Số tuần được tính lãi của Hợp đồng (Cứ 7 ngày được tính tròn 1 tuần)

M_w : Số dư còn lại tuần thứ w của Hợp đồng

R_w : Tỷ lệ lãi suất thường tròn tuần tại tuần w

$$(3) I_m^i = M_m * R_m * \frac{1}{365}$$

Trong đó,

M_m : Số dư còn lại tháng của Hợp đồng

R_m : Tỷ lệ lãi suất thường tròn tháng

b) Mức lãi suất:

Biểu mức lãi suất ngày, lãi suất thường tròn tuần, lãi suất thường tròn tháng được ABS công bố/hiển thị chính thức trong từng thời kỳ trên giao diện với người dùng qua website hoặc ứng dụng di động của ABS. Đối với các Khách hàng cá nhân, các mức lãi suất được công bố nêu trên là mức lãi suất trước thuế thu nhập cá nhân.

c) Các mốc thời gian hiển thị:

Lãi được ABS tính toán và giá trị hiển thị cho Khách hàng hàng ngày là lãi cộng dồn chưa được thanh toán trong kỳ tính lãi tính đến ngày liền trước của ngày hiển thị.